

Số: /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 7 năm 2019

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016- 2020 tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 86/2018/TT-BTC ngày 18/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020; Công văn số 5288/BGDĐT-KHTC ngày 22/11/2018 và Công văn số 5920/BGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 tỉnh Quảng Ngãi như sau:

#### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 86/2018/TT-BTC ngày 18/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

- Công văn số 5288/BGDĐT-KHTC ngày 22/11/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

- Công văn số 5920/BGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020.

#### **II. THỰC TRẠNG NHU CẦU ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT TẠI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ VÀ CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ HỌC SINH BÁN TRÚ THEO HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Toàn tỉnh có 52 trường có học sinh bán trú theo học, trong đó có 27 trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) và 15 trường phổ thông vùng

núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có học sinh bán trú theo học; dự kiến năm 2019, 2020 sẽ thành lập thêm 13 trường PTDTBT tại huyện Sơn Tây, Tây Trà, Ba Tơ. Hầu hết các trường thuộc vùng miền núi, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học còn thiếu, nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, khu ở nội trú cho học sinh còn tạm bợ, nhu cầu học sinh ở nội trú ngày càng nhiều.

Số học sinh bán trú, học sinh người dân tộc thiểu số tham gia học tập tại các trường PTDT bán trú và các trường phổ thông ngày càng tăng, chủ yếu tập trung ở các xã thuộc các huyện Tây Trà, Sơn Tây, Trà Bồng và Ba Tơ. Tuy vậy cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập còn nhiều hạn chế, thiếu thốn, phòng học còn nhà tạm; nhà ở bán trú, nhà ở nội trú, nhà vệ sinh, bếp ăn chưa đáp ứng nhu cầu ở bán trú của học sinh, nhiều nơi còn dột nát, xuống cấp. Học sinh phải ở lại bán trú, nội trú trong trường học tuy nhiên khuôn viên hàng rào một số trường, điểm trường còn sơ sài, thiếu sân chơi, khu sinh hoạt chung, nhà sinh hoạt giáo dục văn hoá dân tộc chưa có, còn thiếu phòng chức năng do vậy ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học, sinh hoạt văn hóa cho học sinh.

Năm 2016, vốn Chương trình từ ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh Quảng Ngãi 9.982 triệu đồng, tỉnh đã triển khai kế hoạch mua sắm thiết bị dạy học và thiết bị nhà bếp, nhà ăn, sửa chữa khu ở nội trú học sinh bán trú, nhà vệ sinh, nhà bếp cho một số trường, tuy nhiên không đáng kể so với nhu cầu thực tế. Dự kiến giai đoạn 2018-2020, toàn tỉnh cần thêm 115.500 triệu đồng để đủ đáp ứng điều kiện đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp, khu nội trú cho các trường PTDTBT và các trường có học sinh bán trú theo học tại vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Hỗ trợ mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu và bàn ghế học sinh, trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp, trang thiết bị và đồ dùng khu ở nội trú; sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi chung là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Hỗ trợ mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh, thiết bị phục vụ dạy học trong phòng học cho 27 trường và điểm trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập

có học sinh bán trú theo học tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng cho 27 nhà ăn, 27 nhà bếp, 27 khu nội trú học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo theo hướng nâng cấp, mở rộng đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật trường học theo quy định hiện hành cho 27 công trình nhà ăn, nhà bếp, 27 công trình khu ở nội trú, 27 công trình nhà vệ sinh của các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

#### **IV. NỘI DUNG**

Hỗ trợ trang thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh, hỗ trợ trang thiết bị và đồ dùng khu nội trú, hỗ trợ duy tu sửa chữa nhà ăn, nhà bếp, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các hạng mục thiết yếu của các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú theo học tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách trung ương và địa phương; hỗ trợ hoạt động giám sát, đánh giá, triển khai Chương trình.

Tổng mức vốn thực hiện giai đoạn 2016-2020 là 128.816 triệu đồng, bao gồm: vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương là 96.582 triệu đồng (*trong đó có 9.982 triệu đồng cấp từ ngân sách Trung ương năm 2016 đã thực hiện mua sắm thiết bị dạy học, thiết bị nhà ăn, nhà bếp, khu nội trú và đồ dùng dạy học, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường PTDTBT*), ngân sách địa phương: 32.234 triệu đồng (*trong đó đã thực hiện năm 2016 là: 3.334 triệu đồng*). Ngân sách thực hiện kế hoạch trong giai đoạn tới là 115.500 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 86.600 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 28.900 triệu đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*). Các nội dung chính:

**1. Nội dung 1.** Hỗ trợ mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu (20 bộ thiết bị dạy học tối thiểu và 20 bộ thiết bị dùng chung cấp trung học cơ sở, 15 bộ thiết bị dạy học tối thiểu và 15 bộ thiết bị dùng chung cấp tiểu học), bàn ghế học sinh và thiết bị phòng học văn hóa, thiết bị phòng học bộ môn cho 27 trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí là 21.396 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 16.047 triệu đồng, ngân sách địa phương là 5.349 triệu. (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*)

**2. Nội dung 2.** Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cho 27 nhà ăn và 27 nhà bếp cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm

trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí 11.900 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 8.925 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 2.975 triệu đồng). *(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)*

**3. Nội dung 3.** Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cho 27 khu nội trú học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí 16.350 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 12.262,5 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 4.087,5 triệu đồng). *(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)*

**4. Nội dung 4.** Hỗ trợ để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cho 27 nhà ăn, và 27 nhà bếp của trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí 30.602 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 22.951,5 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 7.650,5 triệu đồng). *(Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo)*

**5. Nội dung 5.** Hỗ trợ để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cho 27 khu ở nội trú của trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí 35.052 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 26.414 triệu đồng, ngân sách của địa phương là 8.638 triệu đồng). *(Chi tiết tại Phụ lục 6 kèm theo)*

**6. Nội dung 6.** Giám sát, đánh giá và triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương cả giai đoạn là 200 triệu đồng (ngân sách địa phương).

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)*

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện giai đoạn 2016-2020 là 128.816 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 96.582 triệu đồng cụ thể như sau:

+ Năm 2016: 9.982 triệu đồng, đã thực hiện trong năm 2016.

+ Năm 2017: Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung 30.000 triệu đồng theo Công văn số 5920/BGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018. Dự kiến thực hiện năm 2019 hoặc 2020.

+ Năm 2018: 12.900 triệu đồng chưa thực hiện, chuyển sang năm 2019 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2018.

+ Năm 2019: 15.000 triệu đồng, dự kiến phân bổ trong năm 2019

+ Năm 2020: 28.700 triệu đồng, dự kiến đưa vào kế hoạch đầu năm.

- Đối ứng của ngân sách địa phương: 32.234 triệu đồng
- + Năm 2016: 3.334 triệu đồng, đã thực hiện trong năm 2016
- + Năm 2017: bổ sung tương ứng với kinh phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo 25% là 10.000 triệu đồng. Thực hiện năm 2019 hoặc 2020.
- + Năm 2018, 2019: 9.300 triệu đồng, dự kiến bố trí tương ứng 25% theo từng năm.
- + Năm 2020: 9.600 triệu đồng, dự kiến bố trí tương ứng 25%.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Căn cứ dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ giao về kinh phí CTMT giáo dục miền núi; căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng phương án phân bổ dự toán kinh phí thực hiện CTMT giáo dục miền núi từ nguồn ngân sách Trung ương và phân bổ nguồn ngân sách địa phương. Mức kinh phí phân bổ đảm bảo không thấp hơn dự toán kinh phí CTMT giáo dục được Thủ tướng Chính phủ giao, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Là đơn vị đầu mối chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh đề xuất phương án đầu tư; chủ đầu tư các công trình cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các hạng mục thuộc Chương trình; triển khai thực hiện mua sắm, kiểm tra giám sát đánh giá, lưu trữ dữ liệu và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổng hợp và xây dựng kế hoạch hàng năm đối với các đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Chủ trì xây dựng phương án phân bổ nguồn lực, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình.

### **3. Sở Tài chính**

- Hàng năm căn cứ nguồn ngân sách Trung ương phân bổ, bố trí kinh phí đối ứng của ngân sách tỉnh để thực hiện. Cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm do Sở Giáo dục và Đào tạo lập, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình.

### **4. Sở Xây dựng**

Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật – thiết kế dự toán hạng mục công trình theo quy định hiện hành.

### **5. UBND các huyện, thành phố**

Hàng năm, chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất tại các trường PTDTBT và các trường phổ thông có học sinh bán trú theo học để đề xuất tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết vấn đề kinh phí thực hiện kế hoạch, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP (KGVX), TH, CBTH ;
- Lưu: VT, KGVXth186

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Dũng**

**KẾ HOẠCH TỔNG HỢP****DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC  
VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-  
2020 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI***(Kèm theo Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/ 7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

STT	Kế hoạch/năm	Hỗ trợ trang thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh (triệu đồng)	Hỗ trợ trang thiết bị và đồ dùng khu nội trú (triệu đồng)	Hỗ trợ trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp (triệu đồng)	Hỗ trợ duy tu, sửa chữa, cải tạo, mở rộng nhà ăn, nhà bếp (triệu đồng)	Hỗ trợ duy tu, sửa chữa, cải tạo, mở rộng khu nội trú (triệu đồng)	Chi phí giám sát thực hiện chương trình (triệu đồng)	Tổng cộng
a	b	1	2	3	4	5	6	7
<b>A</b>	<b>Tổng số kinh phí</b>	<b>25,823</b>	<b>17,899</b>	<b>13,252</b>	<b>32,510</b>	<b>39,132</b>	<b>200</b>	<b>128,816</b>
	Kinh phí Trung ương	19,274	13,411.5	9,777	24,359.5	29,760		96,582
	Kinh phí địa phương	6,549	4,487.5	3,475	8,150.5	9,372	200	32,234
<b>B</b>	<b>Kinh phí đã thực hiện năm 2016 (trong đó)</b>	<b>4,427</b>	<b>1,549</b>	<b>1,352</b>	<b>1,908</b>	<b>4,080</b>	<b>0</b>	<b>13,316</b>
	Kinh phí Trung ương đã thực hiện năm 2016	3,227	1,149.0	852	1,408.0	3,346	0	9,982
	Kinh phí địa phương đã thực hiện năm 2016	1,200	400.0	500	500.0	734	0	3,334
<b>C</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>21,396</b>	<b>16,350</b>	<b>11,900</b>	<b>30,602</b>	<b>35,052</b>	<b>200</b>	<b>115,500</b>
	Kế hoạch năm 2018-2019	6,746	5,500	3,500	9,802	11,652	0	37,200
	Kế hoạch dự kiến năm 2020	6,650	5,450	3,800	10,000	12,400	0	38,300
	Kế hoạch dự kiến bổ sung năm 2016-2017	8,000	5,400	4,600	10,800	11,000	200	40,000

